

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-PT

Ngày 08 – 9 – 2025

*V/v Tranh chấp chia tài sản chung và
nợ chung sau ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14/6/2025 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau ly hôn”.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoàng T đối với Bản án sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 04/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Ninh Thị B, sinh năm 1989; Địa chỉ: 7 N, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Anh T1, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số F, tổ L, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Đinh Hữu L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 2 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Vũ Hoàng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Ninh Thị B trình bày:**

Tôi và ông Vũ Hoàng T có đăng ký kết hôn vào năm 2015 và ly hôn theo

Quyết định số 594/QĐCNTT-HNGĐ ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tuy nhiên, khi ly hôn thì chúng tôi tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn thì chúng tôi đã thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn tại Văn phòng C1 số 012039 quyền số 08/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2023, gồm:

+ Tôi phải giao tài sản 01 căn nhà và đất tại 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho ông Vũ Hoàng T và tôi phải giao 01 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 798753 cấp ngày 25/10/2022 cho anh trai ông T là ông Vũ Hoàng N.

+ Ông Vũ Hoàng T phải thanh toán cho tôi số tiền: 192.765.000 đồng.

Đối với các thỏa thuận này giữa tôi với ông T đã tự thỏa thuận xong.

Trong thời kỳ hôn nhân tôi và ông Vũ Hoàng T còn có 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022 đứng tên ông Vũ Hoàng T chúng tôi chưa chia, giá 700.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu Tòa án chia 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, Biển kiểm soát 47A-47673 trên chia đôi giá trị theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L tôi có ý kiến như sau: Tôi thấy khoản nợ này tôi không liên quan, vì giữa ông L và ông T có làm ăn cá nhân riêng với nhau và không cho tôi biết nên nhiều lần ông L và ông T chuyển khoản với nhau không liên quan đến việc mượn tiền mua xe biển số 47A-47673. Việc vay mượn ông L số tiền 300.000.000 đồng tôi không biết, không ký mà tự ông L chuyển khoản qua tài khoản ông T nên tôi không đồng ý trả chung với ông T. Với lại ông T và ông L cũng thừa nhận giấy vay mượn ngày 20/4/2022 đã thất lạc nên viết lại giấy tờ. Như vậy thể hiện đây là khoản vay riêng của ông T chứ tôi không vay, nếu vay thì tôi phải biết và phải ký. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L yêu cầu tôi phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền ông T đã vay của ông Đinh Hữu L.

**** Quá trình tham gia tố tụng ông Đỗ Anh T1 - đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Hoàng T trình bày:***

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ninh Thị B khởi kiện chia 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông Vũ Hoàng T không đồng ý, vì theo nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn đề ngày 28/8/2023 của Công chứng viên Văn phòng C1 chứng nhận Số công chứng: 012039, quyền số 08/2023/TP-CC-SCC/HĐGD và căn cứ theo nội dung của Giấy nhận tiền đề ngày 16/04/2024 có nội dung “Tôi Ninh Thị B cam kết không làm phiền liên hệ đến cuộc sống gia đình ông Vũ Hoàng T và ngược lại gia đình ông Vũ Hoàng T cũng vậy cũng không được làm phiền đến cuộc sống của tôi từ hôm nay về sau nữa. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai cam kết, không khiêu nại, khiếu nại gì về sau nữa ngày 16/4/2024 (đã ký) Ninh Thị B” và theo nội dung của Vi bằng số: 140/2024/VB-TPLĐA ngày 27/11/2024 của Văn phòng C1 do bà Nguyễn Thị Phương D là vợ anh Vũ Hoàng T yêu cầu lập vi bằng

là nguồn chứng cứ theo quy định của khoản 3 Điều 2 và Điều 36 và Điều 39 Nghị định số: 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại. Nên xác định xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022 là tài sản riêng của ông Vũ Hoàng T nên ông T không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Ninh Thị B.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L thì ông Vũ Hoàng T có ý kiến như sau:

Ngày 20/4/2022, ông Vũ Hoàng T có vay của ông Đinh Hữu L số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022, khi vay có thỏa thuận lãi suất theo Bộ luật Dân sự năm 2015. Hình thức vay là chuyển khoản, ông L đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Đối với khoản vay này ông T xác nhận có vay trong thời kỳ hôn nhân nên ông Vũ Hoàng T đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay là số tiền 191.850.000 đồng; trong đó: tiền gốc là: 150.000.000 đồng và 41.850.000 đồng tiền lãi suất cho ông Đinh Hữu L và đề nghị Tòa án buộc bà Ninh Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán ông Đinh Hữu L số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân $\frac{1}{2}$ là: 150.000.000 đồng gốc và 41.850.000 đồng tiền lãi suất cho ông Đinh Hữu L.

Theo nội dung giấy mượn tiền đề ngày 20/04/2022 mà ông Đinh Hữu Long cung C cho Tòa án thì ông Đinh Hữu L và ông Vũ Hoàng T thừa nhận là có viết lại giấy mượn tiền do hai bên để thất lạc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L theo quy định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hữu L trình bày:***

Hiện nay, nguyên đơn bà Ninh Thị B khởi kiện của yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn ông Vũ Hoàng T, tài sản chia gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022. Vào ngày 20/4/2022, tôi có cho ông Vũ Hoàng T và bà Ninh Thị B vay số tiền 300.000.000 đồng để mua ô tô trên với lãi suất tính theo lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tôi đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng M1 chủ tài khoản là ông Vũ Hoàng T. Tuy nhiên, từ khi tôi cho vợ chồng ông T và bà B mượn tiền mua ô tô thì cho đến nay thì ông Vũ Hoàng T và bà Ninh Thị B chưa trả số tiền đã vay cho tôi.

Theo nội dung giấy mượn tiền đề ngày 20/04/2022 thì tôi và ông Vũ Hoàng T đã thừa nhận là có viết lại giấy mượn tiền ngày 20/04/2022, lý do hai bên để thất lạc.

Nay tôi yêu cầu ông T và bà B, phải có nghĩa vụ liên đới trả cho số tiền mượn gốc 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hạn là 31 tháng là 383.700.000 đồng.

Như vậy, xét theo quy định của pháp luật thì bà Ninh Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số mượn tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là 150.000.000 đồng gốc và 41.850.000 đồng tiền lãi bằng tổng số tiền 191.850.000 đồng và ông Vũ Hoàng T phải trả tổng số tiền 191.850.000 đồng cho tôi; trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và 41.850.000 đồng tiền lãi.

Tại Bản án sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 04/4/2025 của Tòa án

nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) đã quyết định:

khoản 1, 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 27, Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị B.

-Về tài sản chung: Xác định ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 cấp ngày 26/4/2022, số khung RLHRW1858NY004334, số máy L15BG2346585 là tài sản chung của ông Vũ Hoàng T và bà Ninh Thị B trong thời kỳ hôn nhân, có giá 700.000.000 đồng.

Giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 cấp ngày 26/4/2022, số khung RLHRW1858NY004334, số máy L15BG2346585 cho ông Vũ Hoàng T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng.

Ông Vũ Hoàng T có trách nhiệm bù ½ giá trị xe ô tô trên cho bà Ninh Thị B là: 350.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L về việc: Buộc cá nhân ông Vũ Hoàng T phải có trách nhiệm trả số tiền 383.700.000 đồng; trong đó: 300.000.000 đồng nợ gốc và 83.700.000 đồng tiền lãi. cho ông Đinh Hữu L.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L về việc: Buộc bà Ninh Thị B phải trả 150.000.000 đồng nợ gốc và 41.850.000 đồng lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 01/4/2025, bị đơn ông Vũ Hoàng T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, Biển kiểm soát 47A-47673. Về khoản nợ ông L thì ông T không có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tại cấp phúc thẩm bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoàng T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoàng T được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà Ninh Thị B và ông Vũ Hoàng T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 594/QQĐST- HNGĐ ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột .

Tại Quyết định thuận tình ly hôn số 594/QQĐST- HNGĐ ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân mà không giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị B về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B, ông T là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ninh Thị B yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, Biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022 đứng tên ông Vũ Hoàng T. Bị đơn ông Vũ Hoàng T không đồng ý, vì cho rằng chiếc xe nêu trên là tài sản riêng của ông T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 đăng ký ngày 26/4/2022 đứng tên ông Vũ Hoàng T mua theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 35.22.0259/HDDKT2022/HONDA HAK ngày 21/4/2022 giữa ông Vũ Hoàng T và Công ty TNHH P với giá 1.008.000.000 đồng, sau khi ký hợp đồng mua bán thì các bên đã thanh toán xong. Thời điểm ông Vũ Hoàng T mua chiếc ô tô nêu trên là trong thời kỳ hôn nhân vì ông T, bà B kết hôn vào tháng 12/2015 đến ngày 06/12/2022 ông T và bà B mới ly hôn.

Ông T cho rằng, đây là tài sản riêng của ông T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chiếc xe ô tô nêu trên là tài sản riêng của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Về khoản nợ 300.000.000 đồng của ông Đinh Hữu L thì ông T cho rằng ngày 20/4/2022 ông T, bà B vay ông Đinh Hữu L số tiền 300.000.000 đồng để mua xe và buộc bà Ninh Thị B phải trả ½ số tiền vay của ông Đinh Hữu L, nhưng đối với

yêu cầu khởi kiện của bà B về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-47673 thì ông T lại cho rằng đây là tài sản riêng của ông T. Như vậy, lời khai của ông T trước sau bất nhất và mâu thuẫn với nhau.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, sau khi ly hôn thì có lập các văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn tại Văn phòng C1 số 012039 quyền số 08/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/8/2023 và các bên đã thỏa thuận xong. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận nêu trên chỉ ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 57 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Còn đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, M trắng, biển kiểm soát 47A-47673 chưa chia. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 26/11/2024, xác định được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, M trắng, biển kiểm soát 47A-47673 giá trị còn lại là 700.000.000 đồng. Hiện nay, ông Vũ Hoàng T đang quản lý, sử dụng chiếc xe trên nên Tòa án cấp sơ thẩm giao chiếc xe ô tô trên cho ông Vũ Hoàng T được quyền sở hữu và ông T phải có nghĩa vụ thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên là 350.000.000 đồng cho bà Ninh Thị B là phù hợp.

Đối với đề nghị định giá lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673, thấy rằng: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản tại cấp sơ thẩm đều thể hiện rõ phần đầu xe bên phải có dấu hiệu va quệt, tức là Hội đồng định giá đã đánh giá đặc điểm này đúng với thực trạng thực tế và giá trị còn lại của chiếc xe tại thời điểm định giá. Sau khi định giá, ông T cũng không có yêu cầu định giá lại. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Về khoản nợ 300.000.000 đồng của ông Đinh Hữu L: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông Đỗ Anh T1 có nội dung “Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc một mình ông T trả nợ cho ông Đinh Hữu L số tiền 300.000.000 đồng là không đúng”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là khoản nợ do một mình ông T xác lập; quá trình giải quyết vụ án bà B không thừa nhận đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, bà B không biết, không ký nhận nợ và không liên quan. Ngoài ra, ông L và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh khoản nợ này do ông T và bà B cùng vay ông L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông T trả toàn bộ khoản nợ này cho ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Vũ Hoàng T cho rằng việc cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị Phương D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án phân chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn giữa bà B và ông T, việc giải quyết vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D nên không cần thiết phải triệu tập bà D tham gia tố tụng.

Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông Vũ Hoàng T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Hoàng T - Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2025/HNGĐ-ST ngày 04/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; khoản 1, 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 27, Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị B.

-Về tài sản chung: Xác định ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 cấp ngày 26/4/2022, số khung RLHRW1858NY004334, số máy L15BG2346585 là tài sản chung của ông Vũ Hoàng T và bà Ninh Thị B trong thời kỳ hôn nhân, có giá 700.000.000 đồng.

Giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, Màu trắng, biển kiểm soát 47A-47673 cấp ngày 26/4/2022, số khung RLHRW1858NY004334, số máy L15BG2346585 cho ông Vũ Hoàng T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng.

Ông Vũ Hoàng T có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô trên cho bà Ninh Thị B tương ứng với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

[2.2] Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L về việc: Buộc cá nhân ông Vũ Hoàng T phải có trách nhiệm trả số tiền 383.700.000 đồng; trong đó: 300.000.000 đồng nợ gốc và 83.700.000 đồng tiền lãi cho ông Đinh Hữu L.

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Hữu L về việc: Buộc bà Ninh Thị B phải trả 150.000.000 đồng nợ gốc và 41.850.000 đồng lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0001372 ngày 29/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk ;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr